**THOUSAND LIVES**

**CHƯƠNG 10: CHUYỂN SINH THỜI NHÀ ĐƯỜNG**

(Lần này, giọng kể của River không mang sự bi tráng hay huyền ảo của những nền văn minh đã mất. Nó trầm tĩnh, nhẹ nhàng, như tiếng chuông chùa ngân nga trong một buổi chiều tà. Cậu bé như đang kể về một người bạn cũ, một người rất đỗi bình thường nhưng lại có một sự kiên định phi thường.)

Có một kiếp sống, tôi trở về với một thời đại không quá xa xôi, một thời đại hoàng kim trong lịch sử Trung Hoa, nơi Phật Pháp, đặc biệt là Thiền Tông, phát triển rực rỡ – đó là thời nhà Đường.

Kiếp đó, tôi không phải là một vị vua, một tư tế, hay một nhân vật có tầm ảnh hưởng lớn lao. Ban đầu, tôi là một võ tướng tên là Trần Khang, phục vụ dưới trướng Tần Vương Lý Thế Dân, trước khi ông lên ngôi Hoàng đế. Cuộc đời tôi trong kiếp đó là một sự chuyển hướng lớn lao, từ tiếng gươm đao nơi chiến trận đến sự tĩnh lặng của chốn thiền môn.

**Người Lính Giữa Cuộc Tranh Hùng**

Tôi sinh ra vào những năm cuối của nhà Tùy, một thời kỳ loạn lạc, xương trắng đầy đồng, dân chúng lầm than. Ký ức tuổi thơ của tôi là những ngày đói khổ, là cảnh cướp bóc, chém giết, là sự bất lực khi thấy những người thân yêu ngã xuống mà không thể làm gì. Chính vì vậy, khi nghe tin Đường Công Lý Uyên chuẩn bị khởi binh ở Thái Nguyên để chống lại nhà Tùy, tôi, một chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết, đã không do dự mà tìm đường đến đó để đầu quân, với một mong ước giản dị là góp sức chấm dứt cảnh khổ đau mà tôi đã chứng kiến.

Người trực tiếp tuyển mộ và phỏng vấn tôi khi đó chính là con trai thứ của ngài, Tần Vương Lý Thế Dân. Ngay từ lần gặp đầu tiên, tôi đã hoàn toàn bị thuyết phục bởi khí phách phi thường, ánh mắt sáng như sao và một sự tự tin toát ra từ con người ông. Dù cuộc khởi binh về danh nghĩa là của Đường Công, nhưng trong lòng tôi khi đó, Tần Vương mới chính là hình ảnh của một vị minh chủ, một người có thể quét sạch loạn lạc, mang lại thái bình thực sự cho trăm họ. Tôi đã nguyện dùng cả tính mạng mình để chiến đấu dưới ngọn cờ của ông, tin tưởng tuyệt đối vào người minh chủ mà mình đã chọn.

Trên chiến trường, tôi là một người lính giỏi. Tôi chiến đấu can trường, không bao giờ lùi bước trước hiểm nguy, và đã nhiều lần vào sinh ra tử. Tôi nhớ có lần, trong một trận công thành vô cùng khó khăn, đội quân chúng tôi bị hỏa tiễn của địch chặn đứng, thương vong ngày một nhiều, binh sĩ bắt đầu nao núng. Chính lúc đó, Tần Vương đã không ở trong lều chỉ huy an toàn. Ngài đã đích thân mặc giáp, cầm gươm, xông thẳng lên tuyến đầu. Ngài không hô hào những lời sáo rỗng. Ngài chỉ đứng đó, giữa làn mưa tên, dùng uy đức và sự dũng mãnh của mình để vực dậy tinh thần toàn quân. Chứng kiến cảnh đó, tôi và các binh sĩ khác như được tiếp thêm một sức mạnh vô hình, cùng nhau liều chết xông lên và cuối cùng đã chiếm được thành. Hình ảnh đó đã khắc sâu vào tâm trí tôi, củng cố một niềm tin vững chắc rằng theo ngài, nhất định thiên hạ sẽ thái bình.

Nhưng bản tính tôi lại rất chất phác, thẳng thắn. Tôi không biết dùng mưu kế, cũng không có tài ăn nói khéo léo để lấy lòng cấp trên. Tôi chỉ biết trung thành với mệnh lệnh và lý tưởng của mình. Vì vậy, dù có nhiều chiến công, tôi cũng chỉ được thăng đến chức Hiệu úy, một võ tướng cấp trung. Tôi không quá bận tâm về điều đó. Chức tước với tôi không quan trọng bằng việc mỗi ngày được thấy giang sơn của nhà Đường thêm vững chắc.

Sau khi nhà Đường được thành lập, tưởng như thái bình đã đến, nhưng một cuộc chiến khác, một cuộc chiến còn đáng sợ hơn, lại đang âm thầm diễn ra ngay tại kinh thành Trường An. Đó là cuộc chiến tranh giành quyền lực. Theo lẽ thường, người anh cả, Thái tử Lý Kiến Thành, sẽ là người kế vị. Nhưng Tần Vương Lý Thế Dân, người con trai thứ, lại là người có công lao lớn nhất trong việc bình định thiên hạ. Công lao của ngài quá lớn, uy danh quá cao, khiến cho địa vị của Thái tử bị lung lay. Mâu thuẫn giữa hai phe phái ngày càng trở nên gay gắt. Cùng với người em thứ tư là Tề Vương Lý Nguyên Cát, Thái tử Lý Kiến Thành đã nhiều lần tìm cách hãm hại, gạt bỏ Tần Vương.

Không khí chính trị ở kinh thành những ngày đó ngột ngạt đến khó thở. Các tướng lĩnh, binh sĩ trong phủ Tần Vương chúng tôi đều cảm nhận được một cơn bão sắp nổi lên. Mỗi ngày, chúng tôi đều sống trong sự lo lắng, không biết ngày mai sẽ ra sao. Tôi, với sự nhạy cảm của một người lính đã quen với hiểm nguy, cũng cảm thấy một sự bất an bao trùm. Tôi chỉ là một võ tướng cấp thấp, không hiểu hết những mưu sâu kế hiểm chốn cung đình. Tôi chỉ có một mong ước đơn giản: cầu mong các vị hoàng tử có thể vì giang sơn xã tắc mà hòa giải với nhau, tránh cảnh huynh đệ tương tàn. Nhưng tôi biết, đó chỉ là một ước vọng ngây thơ.

Và rồi, đêm định mệnh đó đã đến. Chủ tướng của tôi, một vị tướng thân cận của Tần Vương, được triệu tập đến phủ để họp khẩn. Với vai trò hộ vệ, tôi phải tháp tùng ngài và đứng gác bên ngoài thư phòng. Đêm đó, không khí đặc quánh lại, căng thẳng đến mức tôi có thể nghe thấy cả tiếng tim mình đập. Qua cánh cửa gỗ khép hờ, tôi nghe được những giọng nói trầm thấp, đầy tính toán bên trong. Tôi nghe thấy tên của Thái tử Lý Kiến Thành, của Tề Vương Lý Nguyên Cát. Tôi nghe thấy những từ như "phục kích", "cửa Huyền Vũ", "không còn lựa chọn nào khác". Và tôi nghe rõ giọng nói quyết đoán của Tần Vương, sự ủng hộ quyết liệt của Trưởng Tôn Vô Kỵ và những người khác.

Họ đang bàn về một kế hoạch táo bạo và tàn nhẫn: phục kích và giết chết chính anh em ruột của mình.

Máu trong người tôi như đông lại. Tai tôi ù đi. Thế giới của tôi như đang nghiêng ngả. Người minh chủ mà tôi tôn thờ, người mà tôi tin rằng sẽ mang lại thái bình bằng chính nghĩa, lại đang lên kế hoạch cho một cuộc thảm sát huynh đệ. Toàn bộ lý tưởng mà tôi đã liều mạng bảo vệ suốt bao năm qua bỗng chốc trở nên nực cười và giả dối. Tôi cảm thấy ghê tởm, không chỉ với kế hoạch đó, mà còn với chính bản thân mình vì đã là một phần của guồng máy này. Tôi không muốn tham gia, không muốn tay mình phải vấy bẩn vì một việc làm thất đức như vậy.

Sau cuộc họp, trên đường trở về, tôi đã lấy hết can đảm nói với chủ tướng. Tôi viện cớ rằng mấy hôm nay cảm thấy không khỏe, xin được nhận một nhiệm vụ khác ở ngoài thành vào ngày hôm đó. Vị chủ tướng, vốn đang căng thẳng và tâm trí đặt hết vào kế hoạch, chỉ liếc nhìn tôi một cách lạnh lùng rồi gạt đi. "Đây là thời khắc sinh tử của Tần Vương và tất cả chúng ta. Không có chỗ cho sự yếu đuối. Ngươi là lính của phủ Tần Vương, ngươi phải có mặt!" Giọng ngài không cho phép một lời thoái thác nào nữa.

Tôi nhận ra mình không có lựa chọn. Tôi bị trói buộc bởi thân phận của một người lính, bởi lòng trung thành với chủ tướng, và bởi cả guồng quay định mệnh mà tôi không thể thoát ra.

Sáng hôm sau, ngày xảy ra biến cố, không khí tại cửa Huyền Vũ nặng nề như chì. Tôi và đơn vị của mình được giao nhiệm vụ canh gác một vòng ngoài, ngăn chặn mọi khả năng có viện binh của phe Thái tử. Tôi không phải là người trực tiếp xuống tay, nhưng tôi đã nghe thấy tất cả. Tiếng ngựa hí, tiếng la hét kinh hoàng, tiếng binh khí va vào nhau một cách ngắn ngủi, tàn khốc, và rồi… là một sự im lặng chết chóc. Sự im lặng đó còn đáng sợ hơn bất kỳ âm thanh nào.

Một lúc sau, Tần Vương Lý Thế Dân bước ra từ cửa Huyền Vũ. Tôi nhìn ngài, cố gắng tìm lại hình ảnh vị minh chủ anh dũng trên chiến trường năm xưa. Nhưng không. Người đứng trước mặt tôi lúc này có một ánh mắt hoàn toàn khác. Một ánh mắt lạnh lùng, trống rỗng, không một chút hơi ấm, không một gợn sóng cảm xúc. Đó là ánh mắt của một người đã vứt bỏ hết tình thân để đổi lấy quyền lực. Cái nhìn đó đã hoàn toàn giết chết hình ảnh "minh chủ" trong lòng tôi.

Sau khi Lý Thế Dân lên ngôi, lấy hiệu là Đường Thái Tông, cả thiên hạ tung hô một trang sử mới. Nhưng đối với tôi, lý tưởng đã chết. Vinh quang của triều đại mới được xây trên máu của anh em, đối với tôi chỉ là một sự ô nhục. Tôi cảm thấy bộ quân phục trên người mình nặng trĩu. Thanh gươm đeo bên hông cũng trở nên xa lạ. Tôi, Trần Khang, lúc này đã gần 40 tuổi, cảm thấy mệt mỏi và trống rỗng. Tôi xin giải ngũ, lấy cớ sức khỏe suy yếu vì nhiều năm chinh chiến. Tôi từ bỏ bộ quân phục, thanh gươm đã theo mình suốt tuổi trẻ, rời xa chốn phồn hoa đô hội, bắt đầu một cuộc hành trình lang thang vô định, tìm kiếm một điều gì đó có thể vá lại tâm hồn đã tan vỡ của mình.

**Ba Mươi Năm Thầm Lặng Dưới Chân Ngũ Tổ**

Chuyến đi lang thang đưa tôi đến núi Hoàng Mai, nơi có chùa Đông Thiền. Khi tôi quỳ xuống trước mặt Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn, một vị thiền sư có ánh mắt từ bi nhưng thấu suốt, tôi không xin Ngài ban cho sự an lạc. Tôi chỉ xin Ngài cho tôi một nơi để nương tựa, một con đường để đi. Ngài nhìn tôi, một gã đàn ông gần 40 tuổi, thân hình vạm vỡ vẫn còn hằn dấu ấn của chiến trường, rồi gật đầu. Tôi cạo bỏ mái tóc, khoác lên mình tấm áo nâu sồng, và được Sư phụ ban cho pháp danh là Huyền Mặc.

Những ngày đầu ở chốn thiền môn là một cuộc chiến còn cam go hơn bất kỳ trận đánh nào tôi từng trải qua. Đó là cuộc chiến với chính thân xác và tâm trí của mình.

Thân xác của một võ tướng quen vận động giờ đây gào thét phản đối khi bị buộc phải ngồi bất động hàng giờ. Mỗi buổi tọa thiền là một cực hình. Đôi chân quen đi ủng da, đạp bàn đạp sắt, giờ phải xếp lại. Ban đầu, tôi chỉ có thể ngồi bán già. Chỉ được một lúc, cơn đau nhức như có ngàn cây kim châm vào xương tủy, một ngọn lửa như chạy dọc sống lưng. Lưng tôi, vốn quen thẳng tắp trên yên ngựa, giờ mỏi rã rời. Tôi nhìn các sư huynh đệ khác ngồi trong thế kiết già, vững chãi như những pho tượng đá, trong khi tôi thì không ngừng cựa quậy, trán đẫm mồ hôi.

Học theo lời khuyên của một số đồng môn, tôi đã dùng những phương pháp khắc nghiệt để ép mình vào khuôn khổ. Có lúc, tôi dùng những tảng đá nhỏ, phẳng đè lên hai đầu gối, mong rằng sức nặng sẽ giúp chân tôi hạ thấp xuống. Có lúc khác, tôi lại dùng dây thừng để buộc chặt hai chân mình lại trong thế kiết già, nghiến răng chịu đựng cơn đau thấu xương.

Và tâm tôi lại càng là một con ngựa hoang. Mỗi khi tôi cố gắng tĩnh lại, những hình ảnh máu lửa của chiến trường lại hiện về. Tôi thấy lại những gương mặt, nghe lại những tiếng thét. Có những đêm, tôi mơ thấy mình đang ở Huyền Vũ Môn, nhưng người tôi phải chém lại chính là một người đồng đội cũ đã cùng tôi vào sinh ra tử. Tôi giật mình tỉnh giấc với một tiếng hét câm lặng nghẹn trong cổ họng, hai tay vẫn nắm chặt như đang cầm chuôi gươm.

Một vài vị sư trẻ, thấy tôi chật vật như vậy, đã không giấu được những tiếng cười khúc khích. Tôi nghe họ xì xầm sau lưng: "Xem kìa, mang cả thân xác của chiến trường vào cửa Phật", hay "Người như vậy làm sao có thể tu hành được". Tôi nghe thấy hết. Lòng tự trọng của một võ tướng khiến tôi tức giận, nhưng tôi nhanh chóng nén nó xuống, thay vào đó là nỗi hổ thẹn và bất lực.

Một hôm, Ngũ Tổ Hoằng Nhẫn đi ngang qua, thấy tôi đang ngồi thiền, mặt nhăn lại vì đau, hai tảng đá đè nặng trên chân. Ngài dừng lại, không nói gì, chỉ khẽ lắc đầu rồi bước đi. Hôm sau, Ngài gọi riêng tôi đến và nghiêm khắc nói: "Ta nghe nói con đang dùng đá đè chân, dùng dây buộc thân để mong ngồi được kiết già. Con đang cố khuất phục thân xác này như khuất phục một con ngựa hoang sao? Thân xác này của con đã tạo ra bao nhiêu nghiệp sát trên chiến trường, giờ nó đau một chút thì có đáng gì? Con chịu được vạn tiễn xuyên tâm, lại không chịu nổi một chút đau mỏi của đôi chân sao? Cái đau này chính là đang tiêu nghiệp cho con đó. Con đang dùng đá để đè cái chân, nhưng cái tâm của con vẫn đang giao chiến với cơn đau. Tu là tu cái tâm, không phải tu cái chân. Khi nào tâm con không còn giao chiến với nó nữa, thì đá hay không đá, có còn quan trọng không?"

Lời nói nghiêm khắc nhưng đầy trí huệ của Sư phụ như một gáo nước lạnh dội vào tôi. Tôi bừng tỉnh. Tôi đã hiểu. Vấn đề không nằm ở tảng đá, mà nằm ở cái tâm chấp trước của tôi vào việc "phải ngồi được". Từ hôm đó, tôi tự mình bỏ những tảng đá đi. Tôi không còn coi cái đau là kẻ thù nữa, mà bắt đầu học cách chấp nhận và quan sát nó một cách bình thản. Cũng từ đó, tôi không còn ép mình ngồi thiền một cách máy móc nữa. Tôi xin làm những công việc nặng nhọc nhất trong chùa: bổ củi, gánh nước, giã gạo. Mỗi nhát búa bổ xuống, mỗi bước chân gánh nước lên dốc, tôi đều tập trung toàn bộ tâm trí vào đó. Dần dần, những hình ảnh quá khứ không còn gào thét nữa, chúng lắng lại. Phải mất gần mười năm, tôi mới thực sự chế ngự được thân tâm của mình, có thể ngồi kiết già vững chãi.

Mười năm tiếp theo, khi tâm đã an, tôi bắt đầu chú tâm hơn vào việc học hỏi kinh điển. Và trong chùa Đông Thiền khi đó, không ai có thể sánh được với Đại sư huynh Thần Tú về sự uyên bác. Ông là giáo thọ sư, người đứng đầu tăng chúng. Tôi thường đến nghe đại sư huynh giảng Pháp, và vô cùng ngưỡng mộ kiến thức sâu rộng, khả năng trích dẫn kinh điển vanh vách và tài hùng biện lưu loát của ông. Trong lòng tôi, tôi coi ông như một ngọn hải đăng, một tấm gương sáng để mình noi theo. Tôi cũng cố gắng đọc thật nhiều kinh sách, cố gắng ghi nhớ và lý giải chúng như cách Thần Tú đã làm.

Nhưng một lần nữa, Sư phụ lại điểm hóa cho tôi. Một buổi chiều, khi tôi đang ngồi sao chép kinh sách trong thư phòng, Ngũ Tổ đi đến. Ngài không hỏi tôi về nội dung kinh điển, mà chỉ hỏi một câu đơn giản: "Con sao chép những lời này, tâm con có thấy an không?" Tôi thành thật đáp: "Thưa Sư phụ, con cảm thấy mình hiểu biết hơn, nhưng tâm đôi lúc vẫn còn dao động ạ."

Ngũ Tổ nhìn sâu vào mắt tôi, rồi nói một cách chậm rãi: "Huyền Mặc, căn cơ của con không nằm ở văn tự. Thần Tú có con đường của Thần Tú, con có con đường của con. Con không nên học theo cái bóng của người khác. Kinh sách như ngón tay chỉ trăng, con cứ mải nhìn ngón tay thì làm sao thấy được mặt trăng? Thứ con cần không phải là thêm kiến thức, mà là làm cho cái tâm đã được tôi luyện qua lửa đỏ của con lắng lại, để trí huệ tự nó hiển lộ ra. Từ nay, hãy bớt đọc sách lại. Hãy cứ đi bổ củi, gánh nước, và tọa thiền. Hãy chuyên nhất vào pháp môn mà ta đã truyền cho con, tự mình tham ngộ lấy."

Lời điểm hóa đó đã giúp tôi xác định lại con đường của mình. Tôi không còn chạy theo hình thức bên ngoài nữa, mà quay về với sự chuyên nhất tu sửa nội tâm. Tôi nhận ra sự bình yên thực sự đến từ sự tĩnh lặng trong từng hành động, chứ không phải từ sự hiểu biết trong sách vở.

Những năm tháng cuối cùng trong giai đoạn này là lúc Huệ Năng xuất hiện. Lúc đó, Sư phụ Hoằng Nhẫn đã lớn tuổi. Một câu hỏi lớn bắt đầu lan truyền trong toàn bộ tăng chúng hơn năm trăm người: Ai sẽ là người xứng đáng để kế thừa y bát, trở thành Lục Tổ của Thiền Tông? Trong suy nghĩ của tất cả mọi người, câu trả lời dường như đã quá rõ ràng. Người đó không ai khác ngoài Đại sư huynh Thần Tú. Ngài là giáo thọ sư, người đứng đầu tăng chúng, thường thay mặt Sư phụ để giảng Pháp. Pháp môn "Thời thời cần lau chùi, chớ để bám bụi trần" của ngài được xem là con đường tu hành chính thống và cao thâm nhất. Hầu hết các sư trong chùa, bao gồm cả tôi, đều vô cùng kính trọng và coi ngài là một bậc thầy, là người kế vị không thể tranh cãi. Không khí trong chùa vừa trang nghiêm, vừa đầy kỳ vọng, tất cả đều chờ đợi ngày Sư phụ chính thức tuyên bố quyết định của mình.

Chúng tôi khi đó không thể ngờ rằng, định mệnh của Thiền Tông lại không nằm ở vị giáo thọ sư uyên bác đó, mà lại nằm ở một người tiều phu không biết chữ từ phương Nam, người sắp sửa bước qua cổng chùa.

Khi Huệ Năng đến chùa và bị phân công vào nhà bếp giã gạo, tôi, lúc này đã là một vị sư lớn tuổi, thỉnh thoảng cũng được phân công các việc lặt vặt ở khu vực đó. Tôi có cơ hội quan sát Lô hành giả (tên của Huệ Năng lúc đó). Tôi thấy một người gầy gò, nhỏ bé, nhưng khi giã gạo, mỗi nhát chày hạ xuống đều vững chãi, đều đặn, không một chút oán thán hay mệt mỏi. Gương mặt của cậu ta luôn toát lên một sự bình thản và an nhiên kỳ lạ. Một lần, thấy cậu ta nghỉ tay, mồ hôi nhễ nhại, tôi mang đến cho cậu ta một bát nước và hỏi: "Công việc nặng nhọc như vậy, ngày nào cũng lặp lại, hành giả không thấy mệt sao?"

Huệ Năng chỉ mỉm cười, đáp một câu đơn giản: "Thân có mệt, nhưng tâm không mệt." Câu nói đó đã tác động mạnh đến tôi, khiến tôi càng thêm kính nể người tiều phu không biết chữ này.

Tôi đã có nền tảng đó, nên khi sự kiện làm kệ xảy ra, tôi đã có thể lĩnh hội được.

Biết được tâm ý của mọi người, một hôm, Ngũ Tổ tập hợp tăng chúng và ra một đề bài. Ngài nói: "Việc sinh tử là việc lớn. Các con hãy tự xem trí tuệ của mình, nếu ai đã thấy được bản tính, hãy làm một bài kệ trình lên cho ta xem. Nếu ai ngộ được đại ý, ta sẽ phó chúc y bát cho làm Tổ thứ sáu."

Cả chùa im lặng. Không ai dám trình kệ. Tôi biết Đại sư huynh Thần Tú đã trăn trở rất nhiều. Ông đi đi lại lại trong phòng suốt mấy ngày, muốn trình kệ nhưng lại sợ cảnh giới của mình chưa xứng với tâm ấn của Thầy, mà không trình thì lại sợ phụ lòng Sư phụ.

Cuối cùng, vào một đêm, ông đã lén viết bài kệ của mình lên bức vách ở hành lang chính. Sáng hôm sau, cả chùa xôn xao. Mọi người tụ tập trước bức vách, trầm trồ thán phục. Ngay cả Sư phụ khi xem xong cũng khen ngợi và bảo mọi người hãy thắp hương, lễ bái bài kệ này và tụng đọc nó thì sẽ không bị đọa vào đường ác. Bài kệ đó như sau:

*Thân là cây Bồ đề,*  
*Tâm như đài gương sáng.*  
*Luôn siêng năng lau chùi,*  
*Chớ để bụi trần bám.*

Khi đọc những câu kệ này, tôi đã vô cùng tâm đắc. Nó thể hiện một cách hoàn hảo con đường tu hành mà chính tôi và hầu hết các huynh đệ khác đang nỗ lực đi theo. Suốt bao nhiêu năm, chúng tôi chẳng phải cũng đang cố gắng giữ cho "thân" được thanh tịnh như cây bồ đề, và giữ cho "tâm" được trong sạch như đài gương sáng đó sao? Nhưng sâu trong lòng, tôi vẫn cảm thấy có điều gì đó chưa trọn vẹn, một sự mệt mỏi trong chính sự "siêng năng" đó.

Chúng tôi khi đó không biết rằng, ở nhà bếp, người hành giả giã gạo khi nghe được bài kệ này đã chỉ mỉm cười và lắc đầu. Vốn là người không biết chữ, Huệ Năng nhờ một vị sư khác viết lên vách một bài kệ của mình, ngay cạnh bài kệ của Thần Tú. Đó là bài kệ đã làm thay đổi cả cuộc đời tôi:

*"Bồ đề vốn không cây,*  
*Gương sáng cũng chẳng đài.*  
*Xưa nay không một vật,*  
*Nơi nào bám bụi trần?"*

Khi nghe bốn câu kệ đó, toàn thân tôi như có một luồng điện chạy qua. Một sự chấn động mạnh mẽ từ sâu thẳm tâm hồn. Nó như một nhát búa sấm sét đánh tan cái "đài gương" mà tôi đã cố công lau chùi suốt bao nhiêu năm. "Xưa nay không một vật"! Đúng vậy, nếu bản tính vốn là không, thì lấy đâu ra bụi mà lau? Mọi nỗ lực của tôi trước đây đều là chấp vào "có". Bài kệ của Huệ Năng đã chỉ thẳng ra con đường giải thoát thực sự. Khúc mắc lớn nhất trong lòng tôi bấy lâu nay bỗng chốc được khai thông. Tôi không đắc đạo, nhưng tôi đã "thấy" con đường.

Từ giây phút đó, tôi biết chắc chắn rằng, người hành giả giã gạo kia chính là người đã thực sự "kiến tánh". Vì vậy, khi sau này tôi biết Ngũ Tổ đã bí mật truyền y bát cho Huệ Năng và tiễn ngài đi ngay trong đêm, tôi không hề có một chút ngạc nhiên hay đố kỵ nào. Khi cả chùa xôn xao, khi một bộ phận tăng chúng, vì không chấp nhận được sự thật, đã nổi lòng ghen ghét và đuổi theo để cướp lại y bát, tôi chỉ lặng lẽ quay về phòng mình, ngồi xuống tọa thiền. Tâm tôi lúc này an tĩnh một cách lạ thường.

**Viên Mãn Trong Tĩnh Lặng**

Sau cơn bão truyền y bát, chùa Đông Thiền không còn được như trước. Có sự chia rẽ, có những lời bàn tán, có sự tiếc nuối cho Đại sư huynh Thần Tú và cả sự hoài nghi về người kế vị phương Nam. Nhưng tất cả những điều đó không còn tác động đến tôi nữa. Tâm tôi như một mặt hồ đã phẳng lặng sau mưa. Tôi không rời chùa, mà tiếp tục con đường tu hành của mình thêm nhiều năm nữa, nhưng giờ đây với một sự thấu hiểu hoàn toàn khác. Tôi không còn gắng gượng "lau chùi", mà chỉ lặng lẽ sống trong sự "vốn không một vật" đó. Tôi không cầu thần thông, không trải qua các trải nghiệm siêu thường, chỉ ngày ngày thâm nhập sâu hơn vào sự tĩnh lặng của nội tâm.

Khi đã hơn 70 tuổi, tôi cảm thấy duyên của mình với đại chúng đã mãn. Những ồn ào, dù là ồn ào của chốn thiền môn, cũng không còn cần thiết cho tôi nữa. Tôi xin phép vị Sư phụ trụ trì lúc đó, rời chùa tìm đến một ngọn núi hẻo lánh gần đấy để chuyên tu những năm tháng cuối đời.

Tôi tự mình dựng một am tranh đơn sơ bên một dòng suối, dưới một gốc tùng cổ thụ. Cuộc sống của tôi từ đó trở nên vô cùng giản dị. Bầu bạn của tôi là mây ngàn, gió núi. Tiếng suối reo là lời giảng Pháp, tiếng thông hát là câu kinh. Mỗi ngày, tôi chỉ làm hai việc: lao động chân tay vừa đủ để duy trì sự sống và tọa thiền.

Hai mươi năm ẩn tu đơn độc trôi qua như một cái chớp mắt, nhưng cũng dài như cả một kiếp người. Trong sự tĩnh lặng tuyệt đối đó, tôi đã hoàn toàn buông bỏ được những chấp trước cuối cùng. Hình ảnh của võ tướng Trần Khang, của Tần Vương Lý Thế Dân, của biến cố Huyền Vũ Môn, tất cả đã tan đi như sương khói. Ngay cả hình ảnh của thiền sư Huyền Mặc với ba mươi năm khổ tu cũng không còn nữa. Mọi thứ trở nên nhẹ bẫng, rỗng không.

Ngày tôi ra đi, tôi đã hơn 90 tuổi. Tôi biết trước thời khắc của mình. Buổi sáng hôm đó, tôi cảm thấy thân thể nhẹ bẫng, tâm trí trong suốt như pha lê. Tôi không ăn uống, chỉ ra suối rửa mặt cho thật sạch sẽ, rồi mặc bộ tăng y lành lặn nhất. Tôi quay về am tranh, dọn dẹp mọi thứ ngăn nắp, rồi ngồi vào tư thế tọa thiền, hướng mặt về phía núi Hoàng Mai, như một lời tạ ơn cuối cùng gửi đến Sư phụ Hoằng Nhẫn.

Tôi hồi tưởng lại cả cuộc đời, từ một võ tướng đầy lý tưởng, đến một thiền sư tìm kiếm sự an tĩnh. Và rồi tôi mỉm cười thanh thản. Giữa tiếng suối reo và tiếng thông hát, tôi an nhiên rời khỏi thế gian. Không có hào quang rực rỡ, không có xá lợi nhiều màu sắc, chỉ có sự ra đi thanh thản của một người lính già đã tìm thấy sự bình yên đích thực, một thiền sư vô danh đã hoàn thành con đường của riêng mình.

(Cậu bé River kết thúc câu chuyện, trong mắt cậu ánh lên một sự kính trọng sâu sắc. Cậu im lặng một chút, rồi nói tiếp, như thể vừa khám phá ra một điều kỳ diệu.)

Khi Huyền Mặc nghe bài kệ của Huệ Năng, ông ấy đã có một sự bừng sáng lớn. Nhưng bây giờ, trong kiếp sống này, khi tu luyện Đại Pháp, tôi phát hiện ra một điều còn thú vị hơn nữa về hai bài kệ của Thần Tú và Huệ Năng.

Chúng không hề mâu thuẫn, và cũng không thể nói bài nào là "đúng" hay "sai" một cách tuyệt đối. Chúng giống như những pháp lý cho các tầng cảnh giới khác nhau.

Ở tầng cảnh giới đầu tiên, đối với một người mới bắt đầu tu hành, tâm trí họ đầy rẫy những suy nghĩ, dục vọng, nghiệp lực, giống như một tấm gương dính đầy bụi. Lúc này, bài kệ của Thần Tú là hoàn toàn đúng. Họ phải "siêng năng lau chùi", phải nỗ lực một cách hữu vi để loại bỏ những thứ xấu, để giữ cho tâm mình thanh tịnh. Đó là con đường tất yếu phải đi qua.

Nhưng khi tu luyện đến một tầng nhất định, họ đột nhiên nhận ra bản tính của mình vốn là trong sạch, không hề nhiễm bẩn. "Bụi" vốn chỉ là giả tướng, không phải là bản chất. Lúc này, họ đột phá lên cảnh giới thứ hai, và bài kệ của Huệ Năng ("Xưa nay không một vật") trở thành chân lý đối với họ. Đây chính là sự đốn ngộ.

Nhưng điều kỳ diệu không dừng lại ở đó. Khi lên một cảnh giới cao hơn nữa, tôi thấy bài kệ của Thần Tú lại trở nên đúng đắn trở lại, nhưng ở một tầng nghĩa hoàn toàn khác… Và rồi ở một tầng cao hơn nữa, khi mọi thứ đã hoàn toàn đồng hóa với Pháp của tầng đó, thì bài kệ của Huệ Năng lại biểu hiện ý đúng. Quá trình đó cứ lặp đi lặp lại như vậy, ở mỗi Đại cảnh giới khác nhau.

Nó giống như những nấc thang trong một chiếc thang tu luyện. Không có nấc nào sai, chỉ có nấc nào phù hợp với vị trí mà người đó đang đứng.

(Cậu bé mỉm cười, dường như rất tâm đắc với sự phát hiện của mình.)

Hiểu ra điều này giúp tôi càng thêm trân trọng hành trình của Huyền Mặc. Ông ấy đã kiên trì bước đi trên nấc thang của mình, và cuối cùng đã tìm thấy sự bình yên. Có lẽ, không phải ai tu hành cũng cần phải làm những điều kinh thiên động địa. Sự giác ngộ có thể đến từ những người bình dị nhất, như Lục Tổ Huệ Năng mà Huyền Mặc đã chứng kiến. Và ngay cả khi không đạt được đại trí đại huệ như các bậc Tổ Sư, một đời kiên trì tu sửa tâm tính, tìm cầu sự giải thoát chân chính, cũng đã là một hành trình rất đáng giá.

Nó giúp tôi hiểu hơn về sự nhẫn nại, và việc tu sửa nội tâm quan trọng đến nhường nào, cũng như khi tôi đọc sách và luyện công Pháp Luân Đại Pháp bây giờ vậy. Đôi khi, sự tiến bộ lớn nhất lại nằm trong những thay đổi thầm lặng từ bên trong.

.